TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:91/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 6 - 2022
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Xuân Hoàng;
2. Ông Huỳnh Mẫn Xuyên.

***-Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 421/2021/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 11 năm 2021 về việc *"Tranh chấp Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2022/QĐXXST-HN, ngày 31 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 62/2022/QĐST-HN, ngày 17 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Hồ Thị T** sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp Đ, xã A, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở: ấp H, xã B, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: **Lê Văn Th** sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp Đ, xã A, huyện H tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Hồ Thị T (Sau đây gọi chị T) trình bày:

Giữa chị và bị đơn Lê Văn Th (Sau đây gọi anh Th) qua tìm hiểu nhau mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2004, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng chị vũ phu,

có hành vi chửi và đánh chị nhiều lần, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, đã nhiều lần hoà giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành và chồng chị vẫn không sửa đổi được gì nên đã sống ly thân từ năm 2021. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh Th.

-Về con chung: Có hai người con chung nhưng một người đã đủ tuổi trưởng thành, người còn lại tên Lê Chí T (Nam), sinh ngày 28 tháng 8 năm 2011. Con chung, sống với chị T, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, chưa yêu cầu cấp dưỡng.

Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 12 năm 2021, bị đơn Lê Văn Th trình bày:

Thừa nhận vợ chồng anh chung sống có đăng ký kết hôn có hai con chung. Đến tháng 5 năm 2020 phát sinh mâu thuẫn là do vợ anh có tình cảm với người đang ông khác từ đó anh tức giận nên mới đánh vợ. Do anh còn thương vợ nên chưa đồng ý ly hôn. Giả sử phải ly hôn thì anh yêu cầu nuôi con chung là Lê Chí Thanh mà không yêu cầu vợ anh cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25 tháng 12 năm 2021, cháu T trình bày (có sự chứng kiến của chị T): Khi cha mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống với mẹ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn; giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng, bị đơn chưa cấp dưỡng; về nợ và tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh Th được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện

bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Th qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2004, đến ngày ngày 02 tháng 12 năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T: Chị và anh Th trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T trình bày là anh Th có hành vi bạo lực gia đình là đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, vợ chồng bất đồng quan điểm sống mà không có giải pháp khắc phục để hoà giải hàn gắn tình cảm mà chọn cách sống ly thân, trong thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm lo lắng cho ai. Anh Th chưa đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp nào để đoàn tụ, Trong khi chị T xác định không còn tình cảm với anh Th và cương quyết xin ly hôn; từ đó thấy rằng hôn nhân giữa hai người đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[5] Về con chung: Chị T và anh Th đều có có yêu cầu được nuôi con chung. Tuy nhiên, xét cháu Thanh sau khi ly thân thì cháu sống với mẹ, nguyện vọng cháu là được sống với mẹ. Nhằm tránh gây xáo trộn đời sống của cháu, cần tiếp tục giao cháu cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị T, anh Th có yêu cầu khác.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T chưa yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận;

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hồ Thị T và anh Lê Văn Th.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Chí T (Nam), sinh ngày 28 tháng 8 năm 2011 cho chị Hồ Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị T, anh Th có yêu cầu khác.

Lê Văn Thum chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho Lê Văn Th mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu, không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Hồ Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007618, ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
- UBND xã A, h. H, t.Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Nguyễn Thanh Liêm